TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 27-11-2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyến.

Các Thẩm phán: Ông Ngô T Sỹ

Ông Nguyễn Công Sự

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn T Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà : Bà Đỗ Thị Trang - Kiểm sát viên .

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường C-Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 31-7-2018 của Tòa án nhân dân thị xã L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đinh X T**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Phường P, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

* Bị đơn: Chị **Dương Thị T X**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Phường X , thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Đinh Văn L**, sinh năm 1954.

2/ Bà **Đặng Thị V**, sinh năm 1953.

Cùng nơi cư trú: Phường X , thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

3/ Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm 1955.

4/ Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1959.

Cùng nơi cư trú: Phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, ông L có mặt. Những người khác có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

***Theo đơn khởi kiện, bản tường trình anh Đinh Xuân T trình bày:**

Năm 2010, anh và chị Dương Thị T X tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có tổ chức đám cưới và được UBND phường X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 112 ngày 17/02/2010, đây là lần kết hôn đầu tiên của anh, chị.

Cuộc sống anh chị không hạnh phúc từ năm 2013 vì những lý do sau: Về kinh tế trong gia đình thì anh chị không thống nhất về việc sử dụng tiền chung, chị thường tự ý quyết định mà không thông qua ý kiến anh. Trong cách cư xử với gia đình và bạn bè thì chị nói quá sự thật, dựng chuyện gây mất lòng tin người khác, hạ thấp danh dự anh, gây mất đoàn kết trong gia đình phía cha mẹ anh, khi gia đình chồng có công việc thì chị X luôn né tránh, không thực hiện nghĩa vụ làm dâu trong gia đình. Năm 2015 anh đã gửi đơn khởi kiện ly hôn ra Tòa án, nhưng chị gây áp lực cho anh và gia đình nên anh đã rút đơn. Anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Anh xác định không còn tình cảm và không thể sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Dương Bảo T , sinh ngày 23/6/2011 hiện nay đang ở với chị X, anh đồng ý giao cháu T cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Số tiền 480.000.000 đồng mà vợ chồng anh chị cho ông L, bà V mượn để xây dựng nhà trên đất ông L, bà V vào năm 2011, anh đồng ý với ý kiến của ông L, bà V là anh chị sẽ giao lại đất và nhà tọa lạc tại phường X cho ông, bà và ông, bà trả lại cho anh chị mỗi người 240.000.000 đồng. Những vật dụng trong gia đình đã qua sử dụng và vật dụng sinh hoạt ở sân anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu gì.

Ông L có ý kiến nếu như Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của chị X thì vợ chồng anh phải liên đới trả lại cho ông và bà V số tiền 120.000.000 đồng, thì anh không có ý kiến gì, vì anh không rõ số tiền này.

*** Theo biên bản lấy lời khai, bản tường trình bị đơn là chị Dương Thị T X trình bày**:

Chị thừa nhận thời gian và quá trình tiến đến hôn nhân, con chung như anh T trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra từ năm 2015. Lý do phát sinh từ việc anh T có biểu hiện quan hệ với người phụ nữ khác và nộp đơn ly hôn với chị. Được sự khuyên can của gia đình, anh T đã rút đơn ly hôn nhưng anh T không còn quan tâm đến gia đình nữa. Khoảng tháng 7/2016 chị nghe anh T có hợp tác làm ăn và quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên T ở xã S, chị có nói với gia đình anh T nhưng anh T phủ nhận. Từ tháng 10/2016 đến nay anh T không quan tâm đến gia đình nữa nên chị đã đưa con chung là cháu Đinh Dương Bảo T , sinh ngày 23/6/2011 về nhà cha mẹ ruột ở tạm, chị vẫn thường xuyên về chăm sóc nhà. Tháng 8/2017 khi Tòa án xuống xem xét, định giá tài sản tranh chấp theo yêu cầu của chị thì ông L không cho chị vào nhà nữa nên chị cùng cháu T ở lại nhà cha mẹ ruột đến nay. Hoàn toàn không có việc chị tự ý mua sắm đồ trong gia đình mà không có ý kiến anh T, cũng như việc chị có những lời nói là giảm uy tín, danh dự anh T đối với gia đình, với xã hội.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T thì chị rất muốn níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng anh T cương quyết ly hôn nên chị đồng ý. Về con chung là cháu T chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tại đơn yêu cầu phản tố chị X xác định diện tích đất, nhà và tài sản sinh hoạt đã qua sử dụng tại địa chỉ Phường X , thị xã L, tỉnh Đồng Nai là tài sản chung của anh chị. Nguồn gốc đất là của ông Trần Văn L, bà Đặng Thị V làm hợp đồng tặng cho tại UBND phường X vào năm 2015; Căn nhà trên đất là anh và chị đã đưa nhiều lần tiền cho ông L, bà V tổng số tiền 540.000.000 đồng để ông bà xây dựng năm 2011. Những tài sản sinh hoạt do anh chị mua nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao đất và nhà cho anh T, còn tài sản sinh hoạt đã qua sử dụng trong gia đình và vật dụng sinh hoạt ở sân anh chị đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu anh T sẽ bù chênh lệch ½ giá trị tài sản đất, nhà và tài sản gắn liền với đất cho chị do anh T nhận hiện vật.

Ngoài ra, vợ chồng anh chị còn vay mượn nợ của cha mẹ ruột chị là ông Dương Văn Đ, bà Trần Thị M nhiều lần cụ thể: năm 2011 mượn 340.000.000 đồng để xây dựng nhà; năm 2016 mượn 50.000.000 đồng và 03 lượng vàng. Khoảng tháng 8/2016 anh chị còn vay mượn của ông Trần Văn L, bà Đặng Thị V số tiền 100.000.000 đồng để lo công việc cho anh T. Những lần vay như vậy hai bên không làm giấy tờ gì. Nay anh T, ông L, bà V không thừa nhận những khoản nợ nên chị cũng không có ý kiến gì.

Ông L có ý kiến nếu như Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của chị thì vợ chồng chị phải liên đới trả lại cho ông và bà V 120.000.000 đồng, thì chị không đồng ý, vì không có việc ông L, bà V góp số tiền 120.000.000 đồng này vào việc xây nhà.

*** Theo biên bản lấy lời khai, bản tường trình người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Văn L, bà Đặng Thị V trình bày**:

Ông, bà là cha mẹ ruột của anh T. Về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh T, chị X xảy ra từ năm 2014. Anh T có làm đơn ra Tòa án nhưng do ông, bà không đồng ý nên anh T rút đơn. Cuối năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng. Chị X thường nói là anh T không làm được việc gì và hay quan hệ với nhiều người phụ nữ khác.

Về tài sản chung như chị X trình bày là chưa chính xác vì vào năm 2011, vợ chồng ông bà xây nhà cho anh T, chị X mượn ở. Vợ chồng anh T, chị X có đưa cho vợ chồng ông bà mượn số tiền 480.000.000 đồng (trong đó có 20.000.000 đồng ông bà mượn anh T, chị X trước đó tính vào) để xây dựng căn nhà tọa lạc trên đất của ông bà tại phường X , thị xã L, tỉnh Đồng Nai. Ông L chính là người làm thủ tục xin cấp phép và trông coi việc xây dựng. Ngoài tiền mượn anh T, chị X, vợ chồng ông bà còn bỏ thêm số tiền 120.000.000 để xây nhà. Ngày 25/5/2015 ông bà có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực tại UBND phường X , thị xã L nhưng không thực hiện việc tách thửa đất. Sau đó Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã cấp đổi giấy chủ quyền mới số CB 4023… ngày 06/8/2015 đứng tên vợ chồng ông bà. Do vợ chồng anh T, chị X không có hạnh phúc nên ông bà không còn ý định cho nữa. Nay vợ chồng anh T, chị X ly hôn thì ông bà sẽ lấy lại đất, nhà và sẽ hoàn trả cho anh T, chị X mỗi người 240.000.000 đồng.

Do không hiểu biết pháp luật nên ông bà không hủy hợp đồng tặng cho đất đã ký tại UBND phường X vào năm 2015.

Việc chị X trình bày vợ chồng anh chị có mượn của ông bà số tiền 100.000.000 đồng để lo việc cho anh T là hoàn toàn không có, còn có vay mượn của ông Dương Văn Đ, bà Trần Thị M hay không thì ông bà không biết nên ông, bà không có ý kiến gì.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của chị X về việc chia tài sản chung thì ông có ý kiến là anh T, chị X phải liên đới trả lại số tiền 120.000.000 đồng cho ông bà. Ông bà chỉ có ý kiến vậy thôi, không làm đơn khởi kiện.

Bà V thống nhất lời trình bày của ông L và có đơn yêu cầu vắng mặt.

***Theo biên bản lấy lời khai, bản tường trình người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn Đ, bà Trần Thị M trình bày**:

Ông, bà là cha mẹ ruột của chị X. Năm 2011 thì ông L, bà V đến nhà ông bà có nói chuyện là một phần đất để anh T, chị X xây nhà, còn tiền xây nhà thì ông bà hỗ trợ nên ông, bà cho vợ chồng anh T, chị X mượn số tiền 340.000.000 đồng để xây dựng nhà. Năm 2016 cho mượn 50.000.000 đồng và 03 lượng vàng để lo việc cho anh T. Khoảng tháng 8/2016 ông bà còn nghe nói anh chị mượn của ông Trần Văn L, bà Đặng Thị V số tiền 100.000.000 đồng để lo công việc

cho anh T. Những lần vay mượn như vậy đều không làm giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận khi nào có sẽ trả.

Nay vợ chồng anh T, chị X ly hôn nhưng anh T không thừa nhận các khoản nợ trên nên ông, bà không có ý kiến gì. Ông bà có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 31-7-2018 của Tòa án nhân dân thị xã L.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Xuân T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân Tđược ly hôn với chị Dương Thị Thanh X.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Dương Bảo T , sinh ngày 23 tháng 6 năm 2011 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho ông Đ, bà M, ông L, bà V bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Dương Thị Thanh X về chia tài sản chung khi ly hôn.

* Giao anh Đinh Xuân T được toàn quyền sở hữu, sử dụng tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất là 371,4 m^2 (được giới hạn bởi các điểm g, 4, a, d, 19, 20, 21, f , g có diện tích đất 308,8m^2 thuộc một phần thửa số 525 và giới hạn các điểm a, b, c, 18, 19, d, a có diện tích đất 62,6m^2 thuộc một phần thửa số 158), 02 thửa đất 525 và 158, cùng tờ bản đồ số 18 BĐĐC phường X , thị xã L, tỉnh Đồng Nai đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 4023... do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/8/2015 cho ông Đinh Văn L, bà Đặng Thị V có diện tích 1565,5m^2 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 4492... do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/4/2015 cho ông Đinh Văn L, bà Đặng Thị V có diện tích 288,8m^2.

- Công trình xây dựng đã qua sử dụng trên đất là Nhà ở gia đình diện tích 176,7m^2; mái hiên diện tích 36,5m^2; cổng chính diện tích 7,3m^2, Cổng bên hông + tường rào 01 diện tích16,3m^2, tường rào 02 diện tích 26,5m^2; nhà mát diện tích 7,8m^2, chuồng chó diện tích 13m^2; tháp nước cao 6,1m, chân vuông 1,6m, bồn inox dạng nằm dung tích 1500 lit; hòn non bộ kích thước 1,8m x 1,8m vòng bán nguyệt dài 4,0m; bàn thiên trụ xây gạch kích thước 0,2 x 0,2m, cao 1,3m, mặt

bàn đá granitel; sân nền bê tông xi măng diện tích 137,4m^2 và cây xanh là 01 cây sứ, 01 cây si, 02 cây câu kiểng, 01 cây sa kê, cây ngọc lan, 04 chậu bonsai 1, 02 chậu bonsai 2, chậu bonsai 3, 09 chậu bonsai 4, chậu bonsai 5, chậu bonsai 6, chậu bonsai 7, chậu bonsai 8, chậu bonsai 9, chậu bonsai 10.

(Thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá số 2768/TĐG-CT ngày 29/11/2017 của Công ty cổ phần thẩm định giá tỉnh Đồng Nai kèm theo)

+ Tổng giá trị tài sản anh T nhận được là: 1.933.798.875 đồng.

+ Tổng giá trị tài sản chị X nhận được là 1.413.838.875 đồng.

* Anh T có nghĩa vụ trả giá trị tài sản chênh lệch cho chị X là: 1.413.838.875 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục sang tên, chuyển quyền cũng như đăng ký kê khai, tách thửa theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về chi phí tố tụng: Buộc anh Đinh Xuân T có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị T X số tiền chi phí tố tụng là 22.313.954 đồng.

4/ Về án phí:

4.1 Anh T phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí phần tài sản được chia là 70.014.000 đồng *(Bảy mươi triệu không trăm mười bốn ngàn đồng).*

Chị X phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 54.415.000 đồng *(Năm mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng)*

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/8//2018 nguyên đơn ông Đinh Xuân T có đơn kháng cáo và ngày 13/8/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn L, bà Đặng Thị V có đơn kháng cáo, kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, đề nghị cấp phúc thẩm thẩm định lại giá trị đất trong bản hợp đồng tặng cho.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, HĐXX đúng thành phần, đảm bảo sự vô tư khách quan. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự đã đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về hình thức, đơn kháng cáo ghi ngày 10/8/2018 đứng tên Đinh Văn L và Đặng Thị V nhưng chỉ có chữ ký ông Đinh Văn L. Đơn đề ngày 10/8/2018 Tòa án nhân dân thị xã L và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai nhận ngày 13/8/2018 có chữ ký ông Đinh Văn L và bà Đăng Thị V nên xác định người kháng cáo là ông Đinh Văn L, bà Đặng Thị V.

Đơn kháng cáo của anh Đinh X T, ông Đinh Văn L, bà Đặng Thị V làm trong hạn luật định đã đóng tạm ứng án phí nên được xem xét theo quy định.

[2] Về nội dung: Anh Đinh X T, ông Đinh Văn L và bà Đặng Thị V đều kháng cáo nội dung: Đề nghị tòa phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của chị Dương Thị T X, thẩm định lại toàn bộ giá trị đất trong hợp đồng tặng cho, xét thấy:

Anh Đinh Xuân T có đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/4/2017. Trong đơn và quá trình Tòa án tiến hành tố tụng anh T xác định tài sản chung, nợ chung không có. Chị Dương Thị T X có bản tường trình đề ngày 07/5/2018 và biên bản đối chất ngày 08/5/2017, biên bản đối chất ngày 15/8/2017 chị X trình bày nội dung không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương chồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị X cũng khai: "thật tâm không muốn ly hôn". Như vậy, đây là trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên. Theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "… hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn". Hồ sơ thể hiện, Tòa án chỉ hòa giải một lần và trong biên bản hòa giải không thể hiện có hòa giải đoàn tụ mà không thành (trong khi chị X chưa thực sự muốn ly hôn). Trước khi hòa giải và công khai chứng cứ, Thẩm phán chưa thu thập tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, là chưa

đảm bảo quyền lợi của đương sự. Các đương sự kết hôn năm 2010 nhưng bản án không áp dụng Luật HNGĐ 2000 để giải quyết nội dung là vi phạm quy định tại Điều 131 Luật HNGĐ 2014.

Đối với kháng cáo của anh Đinh X T, ông Đinh Văn L, bà Đặng Thị V về tài sản, hồ sơ thể hiện: Ngày 10/7/2017, chị Dương Thị Thanh X có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và nộp tạm ứng án phí ngày 14/7/2017 với nội dung xác định tài sản chung vợ chồng gồm căn nhà xây dựng năm 2011 và đất gắn liền nhà đã được cha mẹ chồng cho ngày 25 tháng 5 năm 2015. Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, chị X trước sau đều khẳng định nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng. Ông L, bà V thì xác định nhà, đất là tài sản hợp pháp của ông bà, hiện ông bà đang quả lý nên không kiện ai cả (L164, 196). Như vậy, chị X thì xác định nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng chị, ông L bà V thì xác định là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông, bà. Ông L bà V không có yêu cầu khởi kiện xin hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã ký ngày 25/5/2015 nên đây là tranh chấp quyền sử dụng đất giữa chị X với vợ chồng ông L (không phải tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) nhưng chưa được hòa giải ở UBND cấp phường, xã theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai nên chưa đủ điều kiện khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý là vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đối với kháng cáo của ông L bà V và anh T cho rằng: Giá tài sản là nhà, đất đã được thẩm định là quá cao. Sau khi chị X có yêu cầu chia tài sản, Tòa án không thực hiện đúng quy định tại khoản 1, 2 của Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự định giá, thẩm định giá (Chưa cho các đương sự nêu ý kiến về giá, thực hiện quyền thỏa thuận giá, thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá). Sau khi có kết quả thẩm định giá, anh T đã có ý kiến cho rằng giá trị tài sản trong chứng thư thẩm định giá là cao hơn thực tế, không yêu cầu định giá lại. Ông L bà V cũng không có yêu cầu định giá lại (BL 153,154). Tuy nhiên, nay ông L, bà V và anh T đều kháng cáo cho rằng việc định giá đưa ra giá đất là không chính xác vì đất tranh chấp gồm 130m^2 đất ở đô thị và 243m^2 đất trồng cây lâu năm nhưng chứng thư Thẩm định giá chỉ đưa ra 1 giá là giá đất ở đô thị và yêu cầu thẩm định giá lại. Để đảm bảo quyền lợi cho đương sự thì việc thẩm định giá lại là cần thiết và người yêu cầu phải tạm ứng chi phí.

[3] Về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm: Biên bản phiên tòa thể hiện: Trong phần tranh tụng, Hội đồng xét xử đặt câu hỏi trước, kế đến đại diện Viện kiểm sát tham gia xét hỏi rồi Chủ tọa phiên tòa mới cho đương sự thực hiện việc hỏi và Luật sư hỏi cuối cùng là vi phạm thủ tục tranh tụng quy định tại Điều 249 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chưa thu thập chứng cứ về việc ông L bà V và anh T chị X đã làm thủ tục đăng ký tách thửa tại cơ quan thẩm quyền sau khi ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất hay chưa theo quy định tại khoản 7 Điều 95 Luật đất đai, Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015 để xác định hiệu lực của hợp đồng tặng cho. (Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L và anh T khai đã liên hệ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để tách thửa nhưng được trả lời không đủ diện tích tách thửa theo quy định nên không thực hiện được). Từ đó mới có căn cứ xem xét áp dụng án lệ số 03/2016 hoặc áp dụng Điều 96 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 để xem xét tính công sức của chị X trong khối tài sản chung buộc anh T hay vợ chồng ông L, bà V bồi thường công sức đóng góp cho chị X trong khối tài sản là nhà, đất tranh chấp.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến tại phiên tòa và thu thập chứng cứ chưa đúng, chưa đầy đủ, không đủ căn cứ để giải quyết vụ án một cách chính xác nên phải hủy tòa bộ bản án, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Anh T, bà V, ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện V iện kiểm sát tỉnh Đồng Nai phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L giải quyết "*Tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung"* giữa nguyên đơn anh Đinh Xuân Tvới bị đơn chị Dương Thị T X.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Anh T, bà V, ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh T 300.000đ, bà V 300.000đ, ông L 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo tại các biên lai thu số 002744 ngày 10/8/2018, 002775 ngày 21/8/2018, 002823 ngày 13/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán Thẩm phán–Chủ tọa

Ngô T Sỹ **Nguyễn Công Sự** **Nguyễn Thị Hồng Tuyến**